TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HS-ST
Ngày 8-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thúy Phương

Bà Chu Thị Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Phương Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Vy Tiến Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2025/TLHS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn Q, (tên gọi khác: Không); sinh ngày 30 tháng 4 năm 1982, tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C, tên gọi khác Hoàng Văn C1 (đã chết) và con bà Lương Thị C2 (đã chết); vợ: Hoàng Thị N và có 03 con; tiền án, tiền sư: Không có; nhân thân: Bị cáo chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo là đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 27/02/2024, Ủy ban Kiểm tra huyện ủy Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã có Quyết định số 116-QĐ/UBKTHU đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Hoàng Văn Q; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 23/02/2024 đến ngày 04/4/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay; có mặt.

2. Hoàng Văn T, (tên gọi khác: Không); sinh ngày 25 tháng 10 năm 1976, tại xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng

Sơn; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K (đã chết) và con bà Lương Thị B (đã chết); vợ Vi Thị T1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị cáo chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 23/02/2024 đến ngày 04/4/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Xuân H, (tên gọi khác: Không); sinh ngày 18 tháng 11 năm 1984, tại xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T2 (đã chết) và con bà Cao Thị T3; vợ Nguyễn Thị H và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, tại Quyết định số 09/QĐ-XPHC ngày 10/7/2023 của Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Nguyễn Xuân H về hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật và hành vi mua bán lâm sản trái pháp luật đối với 30,683 Ster thực vật rừng ngoài gỗ (củi), bằng hình thức phạt tiền 6.000.000 đồng, Nguyễn Xuân H đã thi hành xong khoản tiền phạt nhưng chưa chấp hành xong thời gian để xóa tiền sự; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45HS/ST ngày 29/11/2003 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử Nguyễn Xuân H về Tội cố ý gây thương tích, phạt Nguyễn Xuân H 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, bị cáo phải chịu 50.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 18/HSPT ngày 26/02/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang y án sơ thẩm về hình phạt, cụ thể xử Nguyễn Xuân H về Tội cố ý gây thương tích, phạt Nguyễn Xuân H 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng. Sửa phần trách nhiệm dân sự buộc Nguyễn Xuân H phải bồi thường cho bị hại số tiền 6.000.000 đồng, xác nhận H đã bồi thường 3.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng phải tiếp tục bồi thường và Nguyễn Xuân H phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự, Nguyễn Xuân H đã chấp hành xong; tại Quyết định số 51/QĐ-XPHC ngày 25/5/2020 của Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt Nguyễn Xuân H về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép là 21,14 Ster củi các loại (thực vật rừng ngoài gỗ), bằng hình thức phạt tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Xuân H đã thi hành xong. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/10/2024 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T:* Bà Hoàng Thị Kim K- Luật sư của Văn Phong Luật sư V. Địa chỉ: Số 11, phố Đ, khu đô thị P-IV, phường V, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Cao Lộc:

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977- Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện L; địa chỉ: Ngõ G, phường C, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L:

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn C, sinh năm 1978- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Vi Xuân T4, sinh năm 1977- Công chức địa chính xã T; địa chỉ: Tổ 3, khối 1, thị trấn C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Ông Hoàng Gia Đ, sinh năm 1981- Cán bộ phụ trách lâm nghiệp phòng Nông nghiệp phát triển và Nông thôn; địa chỉ: Thôn C, xã P, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Lê Thị T5, sinh năm 1986 - Nguyên Kiểm lâm viên hạt kiểm lâm huyện L; địa chỉ: Đường N, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1983 - Kiểm lâm viên Hạt kiểm lâm huyện L; địa chỉ: Thôn Đ- xã M, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đặng Văn V; vắng mặt.

2. Anh Đặng Văn M; vắng mặt.

3. Anh Đặng Văn T6; có mặt.

4. Anh Hoàng Văn L; có mặt.

5. Anh Hoàng Văn C; vắng mặt.

6. Anh Hoàng Văn T7; vắng mặt.

7. Anh Phan Văn L2; vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Xuân C2; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 09/01/2024, Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn chủ trì phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện Cao Lộc làm nhiệm vụ tại khu vực thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì phát hiện 01 xe ô tô tải thùng kín, có mui, biển kiểm soát 98C-206.97 đang dừng đỗ cạnh đường, trên xe đang chở nhiều khúc gỗ tự nhiên nên tổ công tác đã tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra xác định được người điều khiển xe ô tô tên là Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984, trú tại thôn Đ, xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang, còn người ngồi ở ghế phụ của xe là Phan Văn L, sinh năm 1985, trú tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Tại thời điểm kiểm tra, Nguyễn Xuân H và Phan Văn L không xuất trình được hồ sơ lâm sản và các giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của số gỗ trên xe ô tô. Xác định có dấu hiệu của hành vi mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép nên tổ công tác đã đưa Nguyễn Xuân H, Phan Văn L và xe ô tô biển kiểm soát 98C-206.97 cùng toàn bộ số gỗ trên xe gồm: 3,21m^3 gỗ tròn tự nhiên và 12.569 kg củi tự

nhiên về trụ sở Công an xã T, huyện L để lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng và xác minh làm rõ. Mở rộng hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Cao Lộc đã tiếp tục thu giữ 20,188 m^3 gỗ tròn tự nhiên, trong đó thu giữ tại bãi đất trống cạnh đường rẽ vào thôn C, xã T, huyện L là 4,786 m^3 và tại tại các lô đất lâm nghiệp lô 534, 550, khoảnh 10, tiểu khu 329, bản đồ hiện trạng rừng xã T năm 2022 là 15,402 m^3 gỗ.

Quá trình điều tra đã làm rõ được nội dung vụ án như sau: Do có nhu cầu phát triển kinh tế lâm nghiệp, cải thiện cuộc sống gia đình nên vào khoảng tháng 5/2023 Hoàng Văn Q thỏa thuận và thống nhất với Hoàng Văn T về việc Hoàng Văn Q sẽ khai thác, cưa các cây gỗ tự nhiên tại các lô đất lâm nghiệp lô 534, 550, khoảnh 10, tiểu khu 329, bản đồ hiện trạng rừng xã T năm 2022 bán cho Hoàng Văn T với giá 50.000 đồng/01 sitte gỗ. Do đó, từ ngày 13/12/2023 đến ngày 20/12/2023, Hoàng Văn Q dùng máy cưa tiến hành cưa toàn bộ các cây gỗ tại lô đất lâm nghiệp trên. Do số lượng gỗ nhiều nên Hoàng Văn Q đã trao đổi với Hoàng Văn T về việc cần thuê người dọn, bốc xếp gỗ thì được Hoàng Văn T đồng ý và bảo Hoàng Văn Q tìm thuê người bốc, dọn gỗ, mỗi người thì Hoàng Văn T sẽ trả tiền công là 250.000 đồng/01 người/ 01 ngày công. Sau đó Hoàng Văn Q gọi Đặng Văn M, sinh năm 1974; Đặng Văn V, sinh năm 1995; Đặng Văn T6, sinh năm 1982; Hoàng Văn L, sinh năm 1979 cùng trú tại thôn C, xã T, huyện Cao Lộc và Hoàng Văn C, sinh năm 1986, trú tại thôn H, xã L, thành phố S đến khu rừng thực hiện việc dọn, bốc xếp toàn bộ số gỗ mà Hoàng Văn Q đã dùng máy cưa cắt thành đống ở gần đường để tiện cho việc vận chuyển gỗ đi tiêu thụ. Đến ngày 06/01/2024, Hoàng Văn T vào lô đất lâm nghiệp trên kiểm tra thì thấy toàn bộ số gỗ trên rừng đã được cắt và chất thành nhiều đống nên Hoàng Văn T đã thuê Hoàng Văn T7, sinh năm 1982, trú tại thôn H, xã L, thành phố S điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát: 12C-03980 vào rừng vận chuyển 03 chuyến gỗ ra tập kết ở bãi đất trống cạnh đường rẽ vào thôn C, xã T, huyện L, cách khu rừng khoảng 01km, mỗi chuyến Hoàng Văn T sẽ trả cho Hoàng Văn T7 200.000 đồng. Ngày 08/01/2024, Hoàng Văn T gọi điện thỏa thuận với Phan Văn L2, sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã H, huyện H về việc bản thân có khoảng 15 sitte gỗ củi tự nhiên cần bán với giá 400.000 đồng/01 tấn thì Phan Văn L2 đồng ý mua. Sau đó Phan Văn L2 tiếp tục bán lại số gỗ củi tự nhiên nói trên cho Nguyễn Xuân H sinh năm 1984, trú tại xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang với giá 450.000 đồng/01 tấn thì Nguyễn Xuân H đồng ý. Ngày 09/01/2024, Nguyễn Xuân H nhờ em trai ruột là Nguyễn Xuân C2, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe ô tô xe tải, nhãn hiệu VEAM, biển kiểm soát: 98C-206.97 chở Nguyễn Xuân H từ nhà đi Lạng Sơn rồi đón Phan Văn L2 tại khu vực ngã ba xã Y, huyện L để Phan Văn L2 đưa đến địa điểm bốc gỗ. Sau khi đón được Phan Văn L2, Nguyễn Xuân C2 điều khiển xe ô tô theo sự chỉ dẫn của Hoàng Văn T đến bãi gỗ tập kết ở đầu đường rẽ vào thôn C, xã T, huyện L để bốc gỗ. Khi đến nơi, Nguyễn Xuân C2 xuống xe đi giải quyết công việc riêng, còn Nguyễn Xuân H, Phan Văn L2 ngồi trên xe ô tô để chờ bốc gỗ, lúc này Hoàng Văn Q chỉ đạo Đặng Văn M, Đặng Văn V, Đặng Văn T6, Hoàng Văn L và Hoàng Văn C bốc, xếp gỗ lên xe của Nguyễn Xuân H.

Sau khi Hoàng Văn Q cho người bốc đầy gỗ lên thùng xe của Nguyễn Xuân H thì Nguyễn Xuân H điều khiển xe ô tô chở Phan Văn L2 cùng số gỗ củi tự nhiên trên đi về, khi đi được một đoạn Nguyễn Xuân H dừng, đỗ xe cạnh đường để nghe điện thoại thì bị lực lượng Công an kiểm tra và lập biên bản sự việc như trên.

- Bản kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 01-2024/KL/GĐCN, ngày 25/01/2024 của Giám định viên tư pháp theo vụ việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn kết luận:

+ Diện tích có cây bị bị chặt phá tại lô 550, khoảnh 10, tiểu khu 239, bản đồ hiện trạng rừng xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn năm 2022 là 19.948,2m². Đối chiếu với bản đồ quy hoạch ba loại rừng xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn thì diện tích nêu trên tại khoảnh 10, tiểu khu 239, thuộc quy hoạch rừng sản xuất, thuộc trạng thái rừng trồng núi đất, ký hiệu RTG (thể hiện ở bản đồ điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng). Thực tế khối lượng gỗ bị chặt phá trên diện tích 19.948,2m² là 23,398m^3 gồm (gỗ trên phương tiện là 3,21m^3, gỗ tại hiện trường là 20,188m^3)+ gỗ cây đứng (cây chưa bị chặt hạ còn tại hiện trường) là 3,222m^3. Tổng khối lượng gỗ là 26,62m^3/19.948,2m^2, tương đương với khối lượng gỗ trung bình là 13,344m^3/ha. Loài cây thuộc nhóm gỗ thông thường.

+ Căn cứ theo Phụ lục I, Phân chia trạng thái rừng (Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triên nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng) thì trạng thái trên thuộc trạng thái rừng tự nhiên nghèo kiệt (10<M≤50: Trữ lượng rừng nhỏ hơn 50 m³/ha).

- Bản kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, ngày 22/7/2024 của Giám định viên tư pháp Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn kết luận:

7.1. Chồng ghép diện tích đất rừng bị chặt phá liên quan đến lộ 534, 550, khoảnh 10, tiểu khu 329 bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1:10.000 xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được thể hiện như sau:

+ Diện tích đất rừng bị chặt phá thuộc lô 534 nằm trong một phần thửa đất số 516, diện tích 9.254m² được quy chủ sử dụng và quản lý là UBND xã được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (A3, A4, B1, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14, A15, B2), thuộc loại đất rừng (RPK) đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ.

+ Diện tích đất rừng bị chặt phá thuộc lô 550 nằm trong một phần thửa đất số 535, diện tích 10.729m² được quy chủ sử dụng và quản lý là Hoàng Văn C được thể hiện theo vị trí đỉnh thửa (A1, B5, A2, B4, A3, B2, A15, A16), thuộc loại đất rừng (RPK) đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ.

…..

7.4. Chồng ghép diện tích đất rừng bị chặt phá liên quan đến lô 534, 550, khoảnh 10, tiểu khu 329 bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 với bản đồ điều chỉnh Quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn được thể hiện như sau:

+ Diện tích đất rừng bị chặt phá trong lô 534 nằm trong khu vực Quy hoạch ba loại rừng là đất rừng sản xuất với diện tích 9.254m².

+ Diện tích đất rừng bị chặt phá trong lô 550 nằm trong khu vực Quy hoạch ba loại rừng là đất rừng sản xuất với diện tích 10.729m².

- Bản kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 15-2024/KL/GĐCN, ngày 08/8/2024 của Giám định viên tư pháp theo vụ việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- Diện tích, loài cây: Diện tích có cây bị chặt phá tại lô 534,550, khoảnh 10, tiểu khu 329, bản đồ hiện trạng rừng xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn năm 2022 có diện tích là 19.948,2m², nhóm loài cây bị chặt phá thuộc nhóm gỗ thông thường có nguồn gốc tự nhiên. Trong đó: Diện tích có cây bị chặt phá tại lô 534 là 9.923,2m²; diện tích có cây bị chặt phá tại lô 550 là 10.025 m².

+ Trữ lượng rừng: Tổng trữ lượng rừng tại các lô 534, 550 trên diện tích 19.948,2 m² là 26,62m^3, gồm (gỗ trên phương tiện là 3,21 m³, gỗ tại hiện trường 3 là 20,188m³) + gỗ cây đứng là 3,222m³ (cây chưa bị chặt hạ còn tại hiện trường), tương đương với khối lượng gỗ trung bình là 13,344m³/ha. Trong đó: Trữ lượng rừng tại lô 534 là 13,44m³; khối lượng gỗ bị chặt phá là 11,829 m²; khối lượng gỗ chưa bị chặt phá là 1,611m³; trữ lượng rừng tại lô 550 là 13,18 m^3; khối lượng gỗ bị chặt phá là 11,569m^3; khối lượng gỗ chưa bị chặt phá là 1,611m³.

+ Căn cứ theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn và kết quả giám định tại hiện trường thì diện tích bị chặt phá tại khoảnh 10, tiểu khu 329, thuộc quy hoạch rừng sản xuất. Kết quả giám định tại hiện trường nhóm loài cây bị chặt phá thuộc nhóm gỗ thông thường có nguồn gốc tự nhiên, không có loài cây trồng.

+ Căn cứ theo Phụ lục I, Phân chia trạng thái rừng (Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triên nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng) thì trạng thái trên thuộc trạng thái rừng tự nhiên nghèo kiệt (10<M≤50: Trữ lượng rừng nhỏ hơn 50 m³/ha).

- Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 06/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cao Lộc kết luận:

+ Gỗ tự nhiên thuộc nhóm thông thường 23,398m^3 có giá trị 8.189.300 đồng, trong đó gỗ trên phương tiện vi phạm: 3,21m^3 có giá trị là 1.123.500 đồng; gỗ tại hiện trường 20,188m^3 có giá trị là 7.065.800 đồng.

+ Gỗ củi tự nhiên thuộc nhóm thông thường 12.569 kg có giá trị là 5.027.600 đồng. Tổng giá trị là 13.216.900 đồng.

- Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

- Đối với: 23,398m^3 gỗ tự nhiên và 12.569 kg gỗ củi tự nhiên đều thuộc nhóm gỗ thông thường là vật chứng của vụ án đã bàn giao cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn quản lý theo quy định, trong đó:

+ 7,996m^3 gỗ, 12.569 kg củi thuộc loài thông thường có nguồn gốc tự nhiên đang tập kết tại nhà văn hóa Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L chờ xử lý.

+ 15,402m^3 gỗ đang tập kết tại hiện trường lô đất lâm nghiệp 534, 550, khoảnh 10, tiểu khu 329, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn có nhiều vật chứng (gỗ) có khúc dài, nặng đặt ở vị trí cao nên không thể dùng máy móc tiếp cận và sức người không thể bê, di chuyển toàn bộ vật chứng (gỗ) tại hiện trường xuống địa điểm tập kết để bảo quản. Theo thời gian, điều kiện thời tiết tự nhiên hiện nay số gỗ trên có tình trạng đã bị mục, mối mọt, nấm mốc không còn giá trị sử dụng. Ngày 09/12/2024, Ủy ban nhân dân huyện Cao Lộc đã nhất trí đề xuất của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đó là để tiêu hủy tự nhiên theo quy định.

- Đối với các vật chứng gồm: 01 (một) chiếc máy cưa có tay nắm màu đen, thân máy màu xanh trắng, lưỡi cưa kim loại, chiều dài 70cm ghi ký hiệu makita ME332; 01 (một) chiếc xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu VEAM, biển kiểm soát 98C-206.97, số khung: RN1K2A2J4KTS00335, số máy: ISD1804378805962 đã qua sử dụng; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050387 cấp ngày 29/10/2019 do phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp mang tên Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984; trú tại xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang; 01 (một) giấy biên nhận thế chấp số BGN201968303290/HDTC/15 của ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số EB0086122; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số BB230308472; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, số EMEI 1: 3573345083603173, số EMEI 2: 357325088201173, trong máy có lắp sim điện thoại mạng Viettel, số thuê bao: 0339.290.118; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215 màu đen, số EMEI: 353196110292561, trong máy có lắp sim điện thoại mạng Viettel, số thuê bao: 0359.390.943. Những vật chứng này đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc để quản lý theo đúng quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số: 20/CT-VKS- CL ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T về Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H về Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm m khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản Cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ủy ban nhân dân xã T, huyện L - Người đại diện theo pháp luật ông Lương Văn C - Chủ tịch xã trình bày: Việc để xảy ra hành vi khai thác rừng trái pháp luật của các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T trên địa bàn xã là do Ủy ban nhân dân xã T, huyện L đã không kịp thời phát hiện, ngăn chặn là thiếu sót của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L nghiêm túc rút kinh nghiệm và sẽ có nhiều biện pháp bảo vệ rừng, không để các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến vi phạm về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản trái pháp luật tương tự xảy ra. Về phần bồi thường các bị cáo cũng đã bồi thường khắc phục hậu quả và nộp số tiền 13.216.900 đồng tại Chi cục thi hành án, Ủy ban nhân dân xã T, huyện L nên không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vi Xuân T4, Công chức địa chính phụ trách lâm nghiệp trình bày: Việc để xảy ra hành vi khai thác rừng trái pháp luật của các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T trên địa bàn xã là do thiếu sót của ông vì đã không phát hiện để ngăn chặn kịp thời hành vi khai thác rừng trái pháp luật. Ông nghiêm túc rút kinh nghiệm và sẽ có nhiều biện pháp bảo vệ rừng, không để các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến vi phạm về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản trái pháp luật tương tự xảy ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H, sau khi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H phạm Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 17; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự - xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q, từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách đến 05 (năm) năm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 17; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự - xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm.

Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 232; Điều 17; Điều 35; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự - xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 60.000.000 đến 80.000.000 đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H.

- Về trách nhiệm dân sự: Ngày 21/3/2024, các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L với tổng số tiền là 13.216.900 đồng theo các biên lai thu tiền số 0001042 và 0001043 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, đề nghị Ủy ban nhân dân xã T, huyện L liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc để nhận số tiền trên.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Đối với: 23,398m^3 gỗ tự nhiên và 12.569 kg gỗ củi tự nhiên đều thuộc nhóm gỗ thông thường là vật chứng của vụ án đã bàn giao cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L quản lý theo quy định, trong đó:

+ 7,996m^3 gỗ, 12.569 kg củi thuộc loài thông thường có nguồn gốc tự nhiên đang tập kết tại nhà văn hóa Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L chờ xử lý (hiện đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L quản lý).

+ 15,402m^3 gỗ đang tập kết tại hiện trường lô đất lâm nghiệp 534, 550, khoảnh 10, tiểu khu 329, xã T, huyện L do địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn có nhiều vật chứng (gỗ) có khúc dài, nặng đặt ở vị trí cao nên không thể dùng máy móc tiếp cận và sức người không thể bê, di chuyển toàn bộ vật chứng (gỗ) tại hiện trường xuống địa điểm tập kết để bảo quản. Theo thời gian, điều kiện thời tiết tự nhiên hiện nay số gỗ trên có tình trạng đã bị mục, mối mọt, nấm mốc không còn giá trị sử dụng. Ngày 09/12/2024, Ủy ban nhân dân huyện L đã nhất trí đề xuất của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đó là để tiêu hủy tự nhiên theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với các vật chứng gồm:

+ 01 (một) chiếc máy cưa có tay nắm màu đen, thân máy màu xanh trắng, lưỡi cưa kim loại, chiều dài 70cm ghi ký hiệu makita ME332 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn Q, xác định có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ 01 (một) chiếc xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu VEAM, biển kiểm soát 98C- 206.97, số khung: RN1K2A2J4KTS00335, số máy: ISD1804378805962 đã qua sử dụng; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050387 cấp ngày 29/10/2019 do phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp mang tên Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984; trú tại xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân H, xác định có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ 01 (một) giấy biên nhận thế chấp số BGN201968303290/HDTC/15 của ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số EB0086122; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số BB230308472 thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân H, xác định đây là các giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân H.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, số EMEI 1: 357345083603173, số EMEI 2: 357325088201173, trong máy có lắp sim điện thoại mạng Viettel, số thuê bao: 0339.290.118 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T, xác định có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215 màu đen, số EMEI: 353196110292561, trong máy có lắp sim điện thoại mạng Viettel, số thuê bao: 0359.390.943 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn Q, xác định có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn Q và bị cáo Hoàng Văn T trình bày bản bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Nhất trí với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố.

Về mức hình phạt: Mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Hoàng Văn Q và bị cáo Hoàng Văn T là quá nghiêm khắc.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo làm nghề nông nghiệp, bản thân chưa có tiền án tiền sự; là người dân tộc; nhận thức pháp luật hạn chế; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo; đã bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả; bị cáo Hoàng Văn T có bố và mẹ là người có công với cách mạng; được tặng thưởng Huân, Huy chương. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T và áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Q - xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q và bị cáo Hoàng Văn T mức thấp hơn đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát; các vấn đề khác nhất trí với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Hoàng Văn Q và bị cáo Hoàng Văn T nhất trí với nội dung bản bào chữa, không có ý kiến bổ sung.

Viện kiểm sát tranh luận: Trong vụ án này, Viện kiểm sát đã xem xét về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều kiện sinh sống của các bị cáo và đã đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt tù các bị cáo, nhưng cho hưởng án treo, nên với đề nghị của vị Luật sư bào chữa cho các bị cáo là áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo, cũng như xử phạt hai bị cáo mức thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát đã đưa ra là không có căn cứ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn Q và bị cáo Hoàng Văn T tranh luận: Sau khi nghe ý kiến tranh luận của vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt hai bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, giải thích hướng dẫn các bị cáo về quyền tiếp cận trợ giúp pháp lý, quyền nhờ người bào chữa theo quy định. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ủy ban nhân dân huyện L: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H- Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện L, ông Hoàng Gia Đ- Cán bộ phụ trách lâm nghiệp phòng Nông nghiệp phát triển và Nông thôn, bà Lê Thị T5- Nguyên Kiểm lâm viên hạt kiểm lâm huyện L, ông Hoàng Văn H - Kiểm lâm viên Hạt kiểm lâm huyện L; những người làm chứng anh Đặng Văn V, anh Đặng Văn M, anh Hoàng Văn C, anh Hoàng Văn T7, anh Phan Văn L2 đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng, không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người trên theo quy định.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với các Kết luận giám định và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi thực hiện. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Do đã thống nhất, thỏa thuận từ trước với bị cáo Hoàng Văn T nên từ ngày 13/12/2023 đến ngày 20/12/2023 bị cáo Hoàng Văn Q lên khu rừng tự nhiên tại các lô đất nghiệp lô 534, 550, khoảnh 10, tiểu khu 329, bản đồ hiện trạng rừng xã T năm 2022 dùng cưa máy cắt toàn bộ các cây rừng tự nhiên ở trên 02 thửa đất 534, 550 với diện tích rừng bị khai thác trái phép là 19.948,2m², số gỗ thông thường có nguồn gốc tự nhiên bị khai thác trái phép là 23,398m^3 và 12.569kg gỗ củi thông thường có nguồn gốc tự nhiên (thực vật rừng ngoài gỗ) để bán cho Hoàng Văn T với giá 50.000 đồng/01 sitte. Sau khi vận chuyển được 4,817m^3 gỗ và 12.569 kg gỗ củi thông thường có nguồn gốc tự nhiên từ rừng ra và tập kết ở ngoài đường lớn, bị cáo Hoàng Văn T

bán cho Phan Văn L2 với giá 400.000 đồng/01 tấn gỗ. Phan Văn L2 tiếp tục bán lại số gỗ củi thông thường có nguồn gốc tự nhiên nói trên cho bị cáo Nguyễn Xuân H với giá 450.000 đồng/01 tấn. Ngày 09/01/2024, các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T cho người bốc 3,21m^3 gỗ thông thường có nguồn gốc tự nhiên và 12.569kg gỗ củi thông thường có nguồn gốc tự nhiên từ điểm tập kết lên xe ô tô biển kiểm soát 98C- 206.97 của bị cáo Nguyễn Xuân H để chở đi tiêu thụ, quá trình di chuyển thì bị cáo Nguyễn Xuân H bị lực lượng Công an huyện phát hiện, lập biên bản như trên. Giá trị thiệt hại qua định giá là 13.216.900 đồng. Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T đã đủ yếu tố cấu thành Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự; Hành vi của Nguyễn Xuân H đã đủ yếu tố cấu thành Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức được việc khai thác gỗ tại rừng phòng hộ mà không lập phương án làm thủ tục xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền và không được cơ quan chức năng cấp phép cho khai thác gỗ tại khu rừng trên là vi phạm pháp luật. Chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn bán gỗ để có tiền tiêu, các bị cáo đã thực hiện hành vi khai thác trái phép rừng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng là một trong các đối tượng quan trọng được pháp luật bảo vệ, hành vi của các bị cáo còn trực tiếp ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ của rừng, gây mất an toàn hệ sinh thái, môi trường. Do vậy cần phải xử lý đối với các bị cáo bằng pháp luật hình sự, nhằm giáo dục các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về tính chất vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng thông qua việc khai thác gỗ trên rừng sản xuất thuộc quyền quản lý của gia đình bị cáo Hoàng Văn Q nhưng không làm các thủ tục theo quy định của pháp luật. Mục đích của việc khai thác rừng sản xuất là rừng tự nhiên là nhằm cải thiện cuộc sống gia đình, thay đổi cây trồng, bị cáo Hoàng Văn Q đã lên rừng sản xuất của gia đình quản lý để khai thác gỗ và thống nhất với bị cáo Hoàng Văn T là sẽ bán số gỗ khai thác được cho bị cáo Hoàng Văn T. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân H, mặc dù không được bàn bạc về việc khai thác nhưng lại đồng ý mua gỗ chưa đủ các loại giấy tờ theo quy định, mặc dù số lượng gỗ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng ngày 10/7/2023 bản thân bị cáo đã bị Công an huyện Chi Lăng xử phạt vi phạm hành chính và chưa hết thời hiệu xoá tiền sự mà vẫn thực hiện hành vi mua bán gỗ.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T đã nộp tiền khắc phục hậu quả đối với thiệt hại gây ra là giá trị số cây đã khai thác đã được định giá. Do đó, các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Xuân H được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Hoàng Văn T có bố là Hoàng Văn K được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, có mẹ là bà Lương Thị B được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo Nguyễn Xuân H thuộc gia đình chính sách, gia đình thờ cúng liệt sỹ, có ông nội là ông Nguyễn Xuân S Liệt sỹ và bà nội là bà Bùi Thị P là Bà Mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó, các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật không đầy đủ, lần đầu phạm tội. Bị cáo Nguyễn Xuân H, năm 2004 bị xử phạt tù cho hưởng án treo về hành vi cố ý gây thương tích đã được xoá án tích. Ngày 05/5/2020, bị Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép, đã được xoá tiền sự.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Hoàng Văn T có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Văn Q có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Xuân H có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo trong thời gian tại ngoại chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T đủ điều kiện được hưởng án treo; đối với bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội thuộc trường hợp đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính, số lượng gỗ chưa đủ mức truy tố nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính, có điều kiện áp dụng mức hình phạt tiền là hình phạt chính để sung vào ngân sách nhà nước, vừa để tăng nguồn thu ngân sách, vừa để răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo Nguyễn Xuân H đã chủ động nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0001039 ngày 19/3/2025 của Chi Cục thi hành án huyện Cao Lộc.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Do đó, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các biên bản xác minh về tài sản có trong hồ sơ

vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T làm nghề nông, thu nhập thấp, còn bị cáo Nguyễn Xuân H đã bị đề nghị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 21/3/2025, các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn Q đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L với tổng số tiền là 13.216.900 đồng, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả với số tiền là 6.084.500 đồng. Các bị cáo đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0001042, 0001043 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc. Đề nghị Ủy ban nhân xã T, huyện L liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc để nhận số tiền trên.

[12] Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[13] Đối với 7,996m³ gỗ, 12.569kg củi thuộc loài thông thường có nguồn gốc tự nhiên đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L quản lý. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Đối với 15,402m³ gỗ đang tập kết tại hiện trường lô đất lâm nghiệp 534, 550, khoảnh 10, tiểu khu 329, xã T, huyện L do địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn có nhiều vật chứng (gỗ) có khúc dài, nặng đặt ở vị trí cao nên không thể dùng máy móc tiếp cận và sức người không thể bê, di chuyển toàn bộ vật chứng (gỗ) tại hiện trường xuống địa điểm tập kết để bảo quản. Theo thời gian, điều kiện thời tiết tự nhiên hiện nay số gỗ trên có tình trạng đã bị mục, mối mọt, nấm mốc không còn giá trị sử dụng. Ngày 09/12/2024, Ủy ban nhân dân huyện L đã nhất trí đề xuất của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đó là để tiêu hủy tự nhiên theo quy định. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[15] Đối với 01 (một) chiếc máy cưa có tay nắm màu đen, thân máy màu xanh trắng, lưỡi cưa kim loại, chiều dài 70cm ghi ký hiệu makita ME332 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn Q, xác định có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[16] Đối với 01 (một) chiếc xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu VEAM, biển kiểm soát 98C- 206.97, số khung: RN1K2A2J4KTS00335, số máy: ISD1804378805962 đã qua sử dụng; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050387 cấp ngày 29/10/2019 do phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp mang tên Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984; trú tại xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân H, xác định có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[17] Đối với 01 (một) giấy biên nhận thế chấp số BGN201968303290/HDTC/15 của ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số EB0086122; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số

BB230308472 thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân H, xác định đây là các giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân H.

[18] Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, số EMEI 1: 3573345083603173, số EMEI 2: 357325088201173, trong máy có lắp sim điện thoại mạng Viettel, số thuê bao: 0339.290.118 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T, xác định có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[19] Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215 màu đen, số EMEI: 353196110292561, trong máy có lắp sim điện thoại mạng Viettel, số thuê bao: 0359.390.943 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn Q, xác định có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[20] Đối với Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, cụ thể là ông Lương Văn C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và Vi Xuân T4, Công chức địa chính phụ trách lâm nghiệp đã không phát hiện để ngăn chặn kịp thời hành vi khai thác rừng trái pháp luật của các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T trên địa bàn xã. Nhận thấy, việc thực hiện trách nhiệm trong công tác quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T cùng cán bộ được phân công theo dõi lĩnh vực lâm nghiệp chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[21] Đối với bà Lê Thị T5 và ông Hoàng Văn H là Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã T, huyện L. Quá trình thực hiện công tác được giao, bà Lê Thị T5 và ông Hoàng Văn H đã cơ bản thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao tuy niên do thời điểm xảy ra vụ án là thời điểm cuối năm, bà Lê Thị T5 đang hoàn tất thủ tục bàn giao công việc phụ trách địa bàn cho ông Hoàng Văn H nên cả hai không kịp thời phát hiện để ngăn chặn hành vi khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép lâm sản xảy ra trên địa bàn được phân công phụ trách. Xét thấy, hành vi của bà Lê Thị T5 và ông Hoàng Văn H chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[22] Đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện L là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước ở địa phương về: Nông nghiệp, Lâm nghiệp… Việc để xảy ra vụ việc vi phạm quy định về khai thác trái phép rừng, lâm sản trên địa bàn huyện, có một phần trách nhiệm của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện nhưng không thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, nên Cơ quan điều tra không đề nghị xem xét xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[23] Đối với Phan Văn L2: Quá trình điều tra không có căn cứ xác định Phan Văn L2 biết nguồn gốc số gỗ trên từ đâu mà chỉ được bị cáo Hoàng Văn T gọi điện, mời mua số gỗ trên với số lượng là 3,21 m^3, 12.569 kg gỗ củi, sau đó Phan Văn L2 bán lại cho bị cáo Nguyễn Xuân H với mục đích ăn chênh lệch để kiếm lời. Phan Văn L2 không có quan hệ, quen biết với bị cáo Hoàng Văn Q, Phan Văn L2 không tham gia thực hiện và liên quan đến hành vi khai thác lâm

sản trái pháp luật. Hành vi mua, bản lâm sản trái pháp luật lần này của Phan Văn L2 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời trước đó Phan Văn L2 cũng chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về tội này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã chuyển hồ sơ sang Hạt kiểm lâm huyện L để xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi mua, bán lâm sản trái pháp luật của Phan Văn L2, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[24] Đối với Hoàng Văn T7: Quá trình xác minh không có căn cứ xác định Hoàng Văn T7 biết nguồn gốc số gỗ trên, Hoàng Văn T7 chỉ là người được bị cáo Hoàng Văn T thuê chở số gỗ từ trong rừng ra vị trí tập kết ngoài đường vào thôn C, xã , huyện L cách rừng khoảng hơn 01 cây số với số lượng là 4,817m³, 12.569kg gỗ củi thuộc nhóm thông thường có nguồn gốc tự nhiên, Hoàng Văn T7 không tham gia thực hiện và liên quan đến hành vi khai thác lâm sản trái pháp luật. Hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật lần này của Hoàng Văn T7 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời trước đó Hoàng Văn T7 cũng chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về tội này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã chuyển hồ sơ sang Hạt kiểm lâm huyện L để xử lý vi phạm hành chính đối với hành vận chuyển lâm sản trái pháp luật của Hoàng Văn T7, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[25] Đối với Đặng Văn M, Đặng Văn V, Đặng Văn T6, Hoàng Văn L, Hoàng Văn C là những người được bị cáo Hoàng Văn Q gọi đến dọn, bốc xếp các cây gỗ do bị cáo Hoàng Văn Q đã khai thác trước đó tại lô 534, 550 nêu trên cho bị cáo Hoàng Văn T để được trả công. Quá trình điều tra không có căn cứ để xác định Đặng Văn M, Đặng Văn V, Đặng Văn T6, Hoàng Văn L, Hoàng Văn C là đồng phạm với các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T. Đồng thời, trong quá trình dọn, bốc xếp gỗ, những người này không biết, các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T cũng không nói cho những người này biết đây là loại rừng gì, số gỗ bị chặt, khai thác là gỗ gì vì vậy họ không nhận thức được hành vi của các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T là hành vi phạm tội. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Đặng Văn M, Đặng Văn V, Đặng Văn T6, Hoàng Văn L, Hoàng Văn C trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[26] Đối với Nguyễn Xuân C2 là người được bị cáo Nguyễn Xuân H nhờ lái xe ô tô biển kiểm soát 98C- 206.97 của bị cáo Nguyễn Xuân H đi từ nhà đến điểm tập kết gỗ để mua gỗ củi. Khi đến nơi, Nguyễn Xuân C2 không ở lại vì phải đi xử lý công việc riêng ở ngoài thành phố S, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Nguyễn Xuân C2 trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[27] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, nên các bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[28] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa về áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với các bị cáo và đề nghị của vị Luật sư bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T. Đề nghị nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được Hội đồng xét xử chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[29] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo định tại Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[30] Việc để xảy ra vụ án có một phần trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước, cần kiến nghị để không xảy ra vụ việc tương tự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 17; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Q;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 17; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T;

Căn cứ điểm m khoản 1 Điều 232; Điều 17; Điều 35; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân H;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H phạm Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/4/2025. Giao bị cáo Hoàng Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/4/2025. Giao bị cáo Hoàng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Nguyễn Xuân H 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0001039 ngày 19/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc. Nay còn phải nộp tiếp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc máy cưa có tay nắm màu đen, thân máy màu xanh trắng, lưỡi cưa kim loại, chiều dài 70cm ghi ký hiệu makita ME332 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215 màu đen, số EMEI: 353196110292561, trong máy có lắp sim điện thoại mạng Viettel, số thuê bao: 0359.390.943 của bị cáo Hoàng Văn Q.

3.2. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu VEAM, biển kiểm soát 98C- 206.97, số khung: RN1K2A2J4KTS00335, số máy: ISD1804378805962 đã qua sử dụng; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050387 cấp ngày 29/10/2019 do phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp mang tên Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984; trú tại xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang của bị cáo Nguyễn Xuân H.

3.3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân H 01 (một) giấy biên nhận thế chấp số BGN201968303290/HDTC/15 của ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số EB0086122 và 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số BB230308472.

3.3. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, số EMEI 1: 3573345083603173, số EMEI 2: 357325088201173, trong máy có lắp sim điện thoại mạng Viettel, số thuê bao: 0339.290.118 của bị cáo Hoàng Văn T.

(Vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/01/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về trách nhiệm dân sự: Ngày 21/3/2025, các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn Q đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L với tổng số tiền là 13.216.900 đồng (mười ba triệu hai trăm mười sáu nghìn chín trăm đồng), cụ thể mỗi bị cáo đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả với số tiền là 6.084.500 đồng (sáu triệu không trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng). Các bị cáo đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0001042, 0001043 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc. Đề nghị Ủy ban nhân xã T, huyện L liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc để nhận số tiền trên.

5. Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Xuân H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

7. Kiến nghị: Các cơ quan, gồm: Ủy ban nhân dân huyện L, Chi cục kiểm lâm huyện L và Ủy ban nhân dân xã T, huyện L cần tăng cường công tác tuyên truyền việc bảo vệ rừng, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc khai thác rừng đảm bảo đúng quy định không để xảy ra vụ việc tương tự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS Công an Lạng Sơn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc;
- UBND huyện L, t.Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện L, t.Lạng Sơn;
- Chi cục kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Phương **Chu Thị Hậu** **Nông Thị Hà**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Phương **Chu Thị Hậu** **Nông Thị Hà**